

Số: 89/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm, Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm, Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm:

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, bao gồm hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; chế độ tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; đại lý bảo hiểm và đào tạo đại lý bảo hiểm; chế độ báo cáo, công bố thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, văn phòng đại diện và các mẫu biểu; thành lập và hoạt động của Ban kiểm soát khả năng thanh toán”.

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bảo hiểm), chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là chi nhánh nước ngoài), doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm”.

3. Gạch đầu dòng thứ nhất tiết a điểm 3.1 khoản 3 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Phương pháp trích lập:

+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 05 năm trở xuống: Phương pháp phí bảo hiểm thuận.

+ Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 05 năm:

- Đối với bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm trả tiền định kỳ: Phương pháp phí bảo hiểm thuận được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm. Phí thuận được điều chỉnh dùng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.

- Đối với bảo hiểm tử kỳ: Phương pháp phí bảo hiểm thuận điều chỉnh FPT 12 tháng”.

4. Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 21 như sau:

“4. Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hạch toán vào doanh thu khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền”.

5. Khoản 3 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 50% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm đã khai thác trong năm tài chính. Riêng đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 100% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe đã khai thác trong năm tài chính”.

6. Khoản 1 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Doanh thu hoạt động môi giới bảo hiểm:

Thu hoa hồng môi giới bảo hiểm: Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hạch toán hoa hồng môi giới bảo hiểm vào doanh thu tương ứng với khoản phí bảo hiểm và thời điểm hạch toán doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2 và điểm 1.3 khoản 1 Điều 21 Thông tư này.

Đối với các khoản phải chi để giảm thu như giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm, hoàn hoa hồng môi giới bảo hiểm: hạch toán vào giảm thu nhập ngay khi hoạt động kinh tế phát sinh, có bằng chứng chấp thuận của các bên, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền”.

7. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 23 như sau:

“1a. Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hạch toán vào doanh thu khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền”.

8. Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 31. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, báo cáo nghiệp vụ, báo cáo sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm định kỳ, đột xuất; tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm có trách nhiệm lập và gửi báo cáo cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm định kỳ, đột xuất theo quy định tại Điều 80, Điều 94 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP và Điều 32, Điều 33 Thông tư này.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, báo cáo nghiệp vụ, báo cáo sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, báo cáo cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm của mình”.

9. Bổ sung khoản 3a và 3b sau khoản 3 Điều 32 như sau:

“3a. Tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm thực hiện lập và gửi cho Bộ Tài chính báo cáo cung cấp dịch vụ phụ trợ theo năm và kèm theo bản mềm, cụ thể như sau:

- Báo cáo tình hình cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm năm: Mẫu số 1-PTBH ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo danh sách cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm năm: Mẫu số 2-PTBH ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới năm: Mẫu số 3-PTBH ban hành kèm theo Thông tư này.

3b. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm thực hiện lập và gửi cho Bộ Tài chính báo cáo tình hình sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo năm và kèm theo bản mềm cụ thể như sau:

Báo cáo tình hình sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm năm: Mẫu số 4-PTBH ban hành kèm theo Thông tư này.”

10. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục số 01 về mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động, thay thế Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm như sau:

“4. Nghĩa vụ báo cáo đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm báo cáo Bộ Tài chính về hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài kèm theo bản sao văn bản xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm báo cáo Bộ Tài chính hàng quý về tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

- Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên của quý đến ngày 30 hoặc 31 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

- Thời hạn gửi báo cáo là ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý.

c) Phương thức gửi báo cáo: gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính (khi hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính được vận hành)".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm như sau:

"1. Căn cứ tình hình, kết quả hoạt động, công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, báo cáo tài chính của năm tài chính trước liền kề đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính kết quả đánh giá, xếp loại và việc thực hiện các biện pháp nêu tại Điều 6 Thông tư này, cụ thể:

- Thời hạn nộp báo cáo: chậm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm;

- Phương thức gửi báo cáo: gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính (khi hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính được vận hành)".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản:

1. Khoản 8 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"8. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo chi tiết về tình hình hỗ trợ phí bảo hiểm khai thác hải sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7 ban hành kèm Thông tư này và gửi về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

- Báo cáo quý: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên của quý đến ngày 30 hoặc 31 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý;

- Báo cáo năm: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm;

- Phương thức gửi báo cáo: gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính (khi hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính được vận hành)."

2. Điểm a khoản 8 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Định kỳ hàng tháng và năm, doanh nghiệp bảo hiểm phải lập và gửi Bộ Tài chính báo cáo tình hình triển khai bảo hiểm tai nạn thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 8, báo cáo tình hình triển khai bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

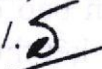
- Báo cáo tháng: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 đến ngày kết thúc của tháng báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc tháng;

- Báo cáo năm: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm;


- Phương thức gửi báo cáo: gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính (khi hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính được vận hành)."

Điều 5. Bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 12 năm 2020.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết. / 

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan TW của các hội và đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, DNBH, DNTBH, DNMGBH, CNNN;
- Lưu: VT, QL.BH. (320) 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG




Huỳnh Quang Hải

Mẫu số 1-PTBH. Báo cáo tình hình cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm
(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Về tình hình cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm)

- Thông tin doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm
Tên doanh nghiệp:
- Kỳ báo cáo từđến.....

STT	Đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm	Dịch vụ tư vấn bảo hiểm		Dịch vụ đánh giá rủi ro bảo hiểm		Dịch vụ tính toán bảo hiểm		Dịch vụ giám định tổn thất bảo hiểm		Dịch vụ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm	
		Số lượng hợp đồng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng hợp đồng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng hợp đồng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng hợp đồng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng hợp đồng	Doanh thu (triệu đồng)
I	Cá nhân										
1											
....											
II	Tổ chức										
1	DNBH A										
....											
Tổng cộng (I + II)											

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMTND/Hộ chiếu	Quốc tịch	Chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm					Hợp đồng lao động	
					Số hiệu chứng chỉ	Ngày cấp	Tên cơ sở đào tạo cấp	Công văn công nhận /Quyết định phê duyệt kết quả thi chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm			
								Số	Ngày	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
2											
...											
II	Đánh giá rủi ro bảo hiểm										
1											
...											
III	Tính toán bảo hiểm										
1											
...											
IV	Giám định tổn thất bảo hiểm										
1											
...											
V	Hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm										
1											
...											

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 3-PTBH. Báo cáo tham gia hoạt động cung cấp phụ trợ bảo hiểm qua biên giới
(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Về tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm)

- Thông tin doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm
Tên doanh nghiệp:
- Kỳ báo cáo từđến.....

TT	Loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm/Tên cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới	Quốc tịch/Trụ sở chính	Số lượng hợp đồng phụ trợ bảo hiểm tham gia cung cấp	Doanh thu (triệu đồng)
I	Tư vấn bảo hiểm			
1	Tên cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới			
			
II	Đánh giá rủi ro bảo hiểm			
1	Tên tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới			
			
III	Tính toán bảo hiểm			
1	Tên tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới			
			
IV	Giám định tổn thất bảo hiểm			

1	Tên tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới			
			
V	Hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm			
1	Tên tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới			
			
	Tổng cộng		Tổng số hợp đồng	Tổng

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4-PTBH. Báo cáo tình hình sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm
(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Về tình hình sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm)

1. Thông tin doanh nghiệp sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm
Tên doanh nghiệp:
2. Kỳ báo cáo từđến.....

TT	Đối tượng cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm	CMTND/Số giấy phép đăng ký kinh doanh	Quốc tịch/Trụ sở chính	Số lượng hợp đồng	Chi phí sử dụng (triệu đồng)	Sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới
1	2	3	4	5	6	7
A	Cá nhân cung cấp dịch vụ					
1	Cá nhân 1					
					
B	Tổ chức cung cấp dịch vụ					
I	Tư vấn bảo hiểm					
1	Tên tổ chức 1					
					
II	Đánh giá rủi ro bảo hiểm					
1	Tên tổ chức 1					
	...					
III	Tính toán bảo hiểm					
1	Tên tổ chức 1					
	...					
IV	Giám định tổn thất bảo hiểm					
1	Tên tổ chức 1					
	...					
V	Hỗ trợ giải quyết bồi					

	thường bảo hiểm					
1	Tên tổ chức 1					
2	...					

Ghi chú: Cột số 7 đánh dấu X trong trường hợp sử dụng cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo

*Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BỘ TÀI CHÍNH



**GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG**

Số:...../GP/KDBH

Ngày:

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP/KDBH

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14/9/2019;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;**Căn cứ Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung tại một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21/3/2018;**Xét đơn và hồ sơ ngày... tháng... năm... của (các) chủ đầu tư xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động [tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm dự kiến được thành lập];**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Thành lập doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm**

Cho phép [Tên chủ đầu tư/sáng lập viên công ty]

- Nếu là cá nhân phải ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi thường trú;
- Nếu là doanh nghiệp, tổ chức phải ghi rõ:

- + Tên và địa chỉ giao dịch
- + Ngày, tháng, năm thành lập, số Giấy phép/quyết định thành lập;
- + Họ tên, chức vụ của người đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức đó.

được thành lập [tên đầy đủ, tên viết tắt và tên giao dịch bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có); địa chỉ giao dịch; tư cách pháp lý của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập (trường hợp thành lập chi nhánh thì ghi rõ tên, địa chỉ giao dịch của chi nhánh)] để kinh doanh bảo hiểm/tái bảo hiểm/môi giới bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định khác của pháp luật và các quy định tại Giấy phép này.

Doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân hàng theo các quy định của pháp luật Việt Nam (đôi với trường hợp thành lập doanh nghiệp bảo hiểm).

Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bảo đảm và chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam (trường hợp thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài).

Điều 2. Vốn

Vốn điều lệ của [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập]; (hoặc vốn được cấp của [tên chi nhánh nước ngoài được thành lập]) là:.... (nêu bằng số và bằng chữ), trong đó:

Tên chủ đầu tư	Số vốn góp tính bằng tiền	Tỷ lệ %
----------------	---------------------------	---------

a. Cổ đông (thành viên) sáng lập:

.....
.....

b. Cổ đông (thành viên) (không phải là cổ đông (thành viên) sáng lập góp từ 10% vốn điều lệ trở lên:

.....
.....

Điều 3. Lĩnh vực, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động

[Tên của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh sau:

3.1. Lĩnh vực kinh doanh: [bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, môi giới bảo hiểm, tái bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm].

3.2. Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

[Kinh doanh bảo hiểm]:

[Kinh doanh tái bảo hiểm]:

[Đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất]:

[Giám định tổn thất]:

[Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn]:

[Quản lý quỹ và đầu tư vốn]:

[Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật]:

[Hoạt động môi giới bảo hiểm: chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]

[Hoạt động phụ trợ bảo hiểm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm]

3.3. Địa bàn hoạt động: [trên phạm vi cả nước hay trong những khu vực địa lý nhất định]

3.4 Đối tượng khách hàng.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

[Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] được phép hoạt động trong thời hạn [] năm.

Điều 5. Điều kiện hoạt động

Trong quá trình hoạt động, [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động, Điều lệ của doanh nghiệp/Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh.

Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này có hiệu lực từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập] phải hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động theo quy định của pháp luật và phải thông báo kết quả tiến hành các thủ tục trên cho Bộ Tài chính.

Điều 7. Cấp Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này được lập thành 8 bản chính: 1 bản cấp cho [tên của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập/doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài xin thành lập chi nhánh tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm]; 4 bản lưu tại Bộ Tài chính; 1 bản gửi cho Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh đặt trụ sở chính; 1 bản gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và 1 bản gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)